| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 107/2022/QĐST-DS | *Thành phố H, ngày 22 tháng 4 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

## XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 14/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhân sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: 130 Phan Đăng L, phường 3, quận P, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc L, chức vụ: Phó phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh H; Địa chỉ: 26 Lý Thường K, thành phố H, tỉnh T, theo giấy ủy quyền ngày 14 tháng 4 năm 2022.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T; Địa chỉ: Tổ 6, KV 2, phường V, thành phố H, tỉnh T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trang P, địa chỉ: Tổ 6, KV 2, phường V, thành phố H, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**- Về số tiền nợ:** Tính đến ngày 14/4/2022, bà Trần Thị Thu T, ông Trang P còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 10.768.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/4/2022 đến ngày bà Trần Thị Thu T, ông Trang P thực trả hết nợ cho D theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0088171801T19284 ngày 21/12/2019.

**- Về phương thức trả nợ:** Bà Trần Thị Thu T, ông Trang P phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền là 10.768.000 đồng theo phương thức như sau:

Lần 1: Ngày 15/5/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 2: Ngày 15/6/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 3: Ngày 15/7/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 4: Ngày 15/8/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 5: Ngày 15/9/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 6: Ngày 15/10/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 7: Ngày 15/11/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 8: Ngày 15/12/2022 trả 1.000.000 đồng
Lần 9: Ngày 15/01/2023 trả 1.000.000 đồng
Lần 10: Ngày 15/02/2023 trả 1.768.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/4/2022 đến ngày bà Trần Thị Thu T, ông Trang P thực trả hết nợ cho D theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng vay 0088171801T19284 ngày 21/12/2019.

Trường hợp bà Trần Thị Thu T, ông Trang P vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào thì Ngân hàng Thương mại cổ phần D có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án thi hành khoản tiền nợ còn lại.

Về án phí dân sự sơ thẩm: (10.768.000 đồng x 5%): 2 = 269.200 đồng. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Bị đơn là bà Trần Thị Thu T chịu số tiền án phí 269.200 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 309.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000950 ngày 21/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
*- Các đương sự*
*-VKS tp Huế*
*-Tòa án tỉnh TT Huế*
*-THA dân sự tp Huế*
*- Lưu.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình Tú**